TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 9 – 2020
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

2/ Bà Nguyễn Kim Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Thị Qual – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hướng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Triệu Thị Ái X, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S.

Bị đơn: Ông Kim H, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Triệu Thị Ái X trình bày:

Bà X với ông Kim H kết hôn với nhau năm 2017. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 17/02/2017. Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hai người đã ly thân từ tháng 04 năm 2020 cho đến nay. Nay bà X xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Trong quá trình chung sống bà X với ông H có một con chung tên Kim Thị Quỳnh A sinh ngày 26/01/2018. Hiện đang sống với bà X.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Triệu Thị Ái X yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với ông Kim H.

- Về con chung: Tôi yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Kim H trình bày:

Ông H thừa nhận về tình trạng hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung là đúng như lời trình bày của bà Triệu Thị Ái X. Nhưng còn về nợ chung hiện còn nợ ông L khoảng 22 triệu đồng. Qua yêu cầu của bà X ông H không đồng ý ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Triệu Thị Ái X ly hôn với ông Kim H. Về con chung: Giao con cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Bà Triệu Thị Ái X vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Kim H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà X với ông H là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hai người ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Xét thấy, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau người nào chỉ biết bổn phận người đó nên xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, tại Tòa bà X cương quyết yêu cầu được ly hôn, nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà X yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Đối với ý kiến của ông Kim H trình bày tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà X và đưa ra nhiều lý do vừa mâu thuẫn vừa không thuyết phục để không đồng ý ly hôn. Tình cảm hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện đồng thuận của cả hai không thể gượng ép. Do đó lời trình bày của ông H không được chấp nhận.

- Về nợ chung: Ông H cho rằng có nợ ông L khoảng 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) và yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ. Qua yêu làm

việc với bà X, bà X không thừa nhận đây là nợ chung. Vì vậy Tòa án đã ra Thông báo số 191/CV.TA ngày 06/8/2020, thông báo cho ông H biết ông phải làm đơn trình bày rõ nợ ai, họ tên, địa chỉ của chủ nợ, liệt kê chi tiết số tiền nợ cụ thể bao nhiêu, nguồn gốc của số nợ. Ông H không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình do đó Tòa án không chấp nhận yêu cầu và cũng không thể xem xét, giải quyết về nợ chung trong cùng một vụ án được. Đối với nợ chung Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Tại Tòa ông H cho biết số nợ trên ông tự trả.

[4] Về con chung: Cháu Kim Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/01/2018 đang sống cùng bà X. Về nguyên tắc việc trông nom, chăm sóc con chung là nghĩa vụ của cha mẹ. Bà X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, xét thấy bà X có đủ điều kiện nuôi con và con dưới ba tuổi nên giao cho bà X là phù hợp với pháp luật nên yêu cầu này là có căn cứ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con do bà X không yêu cầu nên ông H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà X yêu cầu nên bà X phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị Ái X.

- Về hôn nhân: Bà Triệu Thị Ái X được quyền ly hôn với ông Kim H.

- Về con chung: Giao cháu Kim Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/01/2018 cho bà Triệu Thị Ái X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông H không phải cấp dưỡng cho con. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H. Vì

quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Triệu Thị Ái X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0002054 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà X đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
- UBND xã T, huyện T, tỉnh S;
-Lưu HSVA.